BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG SO SÁNH CÁC QUY ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIỮA NGHỊ ĐỊNH SỐ 06/2022/NĐ-CP VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
Tại khoản 12, khoản 18 Điều 3: 12. Sàn giao dịch tín chỉ các-bon là trung tâm xử lý các giao dịch về mua, bán tín chỉ các-bon, hạn ngạch phát thải khí nhà kính và đấu giá, vay mượn, nộp trả, chuyển giao hạn ngạch phát thải khí nhà kính. 18. Trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon là hoạt động mua, bán, đấu giá, vay mượn, nộp trả, chuyển giao hạn ngạch, tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch tín chỉ các-bon.	**Sửa đổi khoản 12, khoản 13 và bổ sung khoản 20** 12. Sàn giao dịch các-bon là hệ thống trao đổi, giao dịch tập trung hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon. 18. Hệ thống đăng ký quốc gia là hệ thống lưu trữ thông tin, dữ liệu về hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon và xử lý các hoạt động vay mượn, nộp trả, chuyển giao, bù trừ hạn ngạch phát thải khí nhà kính. 20. Làm mát bền vững là cách tiếp cận để cung cấp các giải pháp làm mát hiệu quả và thân thiện với khí hậu, đáp ứng nhu cầu làm mát của con người có xem xét lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường để đạt được mục tiêu phát triển bền vững số 7 của Liên hợp quốc và tuân thủ Bản sửa đổi, bổ sung Kigali.	Điều chỉnh để làm rõ các từ ngữ cũng như để thống nhất với các quy định liên quan tại Nghị định. Đồng thời bổ sung từ ngữ giải thích nội dung mới bổ sung.

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
Tại điểm b, khoản 4 Điều 7: b) Giai đoạn từ năm 2026 đến hết năm 2030, thực hiện kiểm kê khí nhà kính, xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo hạn ngạch do Bộ Tài nguyên và Môi trường phân bổ phù hợp với mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; được phép trao đổi, mua bán hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch tín chỉ các-bon.	**Sửa đổi điểm b b, khoản 4 Điều 7:** b) Giai đoạn từ năm 2025 đến hết năm 2030, các cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính có trách nhiệm xây dựng, thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với hạn ngạch phát thải khí nhà kính được phân bổ; các cơ sở chưa được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính có trách nhiệm xây dựng, thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở theo quy định tại Điều 13 Nghị định này phù hợp với kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực.	Điều chỉnh thống nhất với lộ trình phân bổ hạn ngạch và kỳ thực hiện kiểm kê khí nhà kính của các cơ sở.
Tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều 8: b) Thu thập số liệu, tính toán mức hấp thụ khí nhà kính tại các vùng sinh thái có rừng trên cơ sở điều tra rừng, tổng hợp trong báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định này; c) Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện các hoạt động tăng cường hấp thụ khí nhà kính từ quản lý rừng bền vững, bảo vệ và nâng cao tỷ lệ che phủ, sinh khối và chất lượng rừng trên phạm vi cả nước.	**Sửa đổi điểm b, điểm c khoản 3 Điều 8:** b) Thu thập số liệu, tính toán mức hấp thụ khí nhà kính tại các vùng sinh thái và theo từng tỉnh, thành phố, tổng hợp trong báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định này; c) Theo dõi, đánh giá thường xuyên và hằng năm lập báo cáo việc thực hiện các hoạt động tăng cường hấp thụ khí nhà kính từ quản lý rừng bền vững, bảo vệ và nâng cao tỷ lệ che phủ, sinh khối, chất lượng và mức hấp thụ khí nhà kính từ rừng theo từng tỉnh, thành phố trên phạm vi cả nước.	Nghị định số 06/2022/NĐ-CP quy định việc thu thập số liệu để tính toán mức hấp thụ KNK hằng năm chỉ quy định đối với các vùng sinh thái có rừng, chưa quy định đối với các địa phương có rừng để có cơ sở tổng hợp báo cáo kiểm kê KNK chi tiết cấp lĩnh vực đồng thời làm căn cứ xác định lượng hấp thụ các-bon gia tăng có thể trao đổi trên thị trường các-bon.
Tại khoản 6 Điều 9: 6. Cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này, đơn vị thẩm định quy định tại khoản 1 Điều 14 và các	**Sửa đổi khoản 6 Điều 9:**	Điều chỉnh đơn vị thẩm định tại Điều 14. Các đơn vị này thực hiện quy định thẩm

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
tổ chức liên quan khác có trách nhiệm tuân thủ các quy định về đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; cung cấp bổ sung thông tin, số liệu hoạt động phục vụ đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ khí nhà kính cấp quốc gia, lĩnh vực theo yêu cầu của Bộ Tài nguyên và Môi trường, bộ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này.	6. Cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này và các tổ chức liên quan khác có trách nhiệm tuân thủ các quy định về đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; cung cấp bổ sung thông tin, số liệu hoạt động phục vụ đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ khí nhà kính cấp quốc gia, lĩnh vực theo yêu cầu của Bộ Tài nguyên và Môi trường, bộ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này.	định kết quả kiểm kê khí nhà kính, thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo quy trình các tiêu chuẩn ISO 14064-3, tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14065.
Tại điểm a khoản 4 Điều 10: a) Thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở do đơn vị thẩm định quy định tại Điều 14 Nghị định này thực hiện hằng năm kể từ năm 2026 theo quy trình đo đạc, báo cáo, thẩm định do các bộ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này ban hành;	**Sửa đổi điểm a khoản 4 Điều 10:** a) Thẩm định báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở do cơ quan chuyên môn có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thông qua việc rà soát nội dung báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính dựa trên kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của cơ sở;	Sửa đổi, bổ sung quy định thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính, thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo hướng: i) Cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thẩm định kết quả kiểm kê KNK của các cơ sở không được phân bổ hạn ngạch phát thải KNK và thẩm định kế hoạch giảm nhẹ phát thải KNK, kết quả giảm nhẹ phát thải KNK cấp cơ sở; ii) Đơn vị thẩm định độc lập thẩm định kết quả kiểm kê KNK của các cơ sở được phân bổ hạn ngạch, thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải KNK của các dự án theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon.

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
Tại Điều 10	**Bổ sung khoản 5 Điều 10:** 5. Việc thẩm định báo cáo kiểm kê khí nhà kính và báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đối với các cơ sở sản xuất có yếu tố bí mật nhà nước về quốc phòng, an ninh do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện.	Bổ sung quy định thẩm định đối với các cơ sở sản xuất có yếu tố bí mật nhà nước về quốc phòng, an ninh.
Tại khoản 1 Điều 11	**Bổ sung điểm e khoản 1 Điều 11:** e) Báo cáo kiểm kê khí nhà kính định kỳ hai năm một lần của cơ sở phải bao gồm kết quả kiểm kê khí nhà kính của hai năm gần nhất.	Bổ sung quy định làm rõ thời kỳ của số liệu và kết quả kiểm kê khí nhà kính phải nộp.
Tại điểm c khoản 2 Điều 11: c) Phối hợp với các bộ quản lý lĩnh vực công bố phương pháp kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở;	**Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 11:** c) Phối hợp với các bộ quản lý lĩnh vực phổ biến phương pháp kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở phù hợp với hướng dẫn của Nghị định thư khí nhà kính;	Quy định thống nhất phương pháp kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở phù hợp với hướng dẫn của Nghị định thư khí nhà kính.
Tại điểm b khoản 3 Điều 11: b) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý cho năm 2022, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở trước ngày 01 tháng 12 năm 2023;	**Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 11:** b) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý cho năm 2022, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở trước ngày 01 tháng 12 năm 2023; hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý.	Bổ sung trách nhiệm các Bộ việc hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý;
Tại khoản 4 Điều 11:	**Bổ sung điểm b1 khoản 4 Điều 11:** b1) Đối với cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính, việc kiểm kê khí nhà kính, xây dựng báo	Quy định rõ trách nhiệm của đối tượng chưa được và được phân bổ hạn ngạch

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
	cáo kiểm kê khí nhà kính định kỳ hai năm một lần thực hiện cho năm 2025 trở đi theo Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này và được thẩm định bởi đơn vị thẩm định quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định này. Cơ sở quy định tại điểm này không phải thực hiện quy định tại điểm b khoản này;	phát thải khí nhà kính trong thực hiện kiểm kê khí nhà kính.
Tại khoản 6 Điều 11: 6. Thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở cho năm 2024 trở đi do cơ quan chuyên môn có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện theo quy trình thẩm định Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.	**Sửa đổi khoản 6 và bổ sung khoản 6a Điều 11:** 6. Thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính cho các cơ sở chưa được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính do cơ quan chuyên môn theo ngành, lĩnh vực trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện a) Cơ sở chưa được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính nộp hồ sơ đề nghị thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính và kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thẩm định. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm có: 01 đơn đề nghị thẩm định; 01 báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính; 01 kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định, trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản thông báo gửi cơ sở để bổ sung, hoàn thiện; c) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính, kế hoạch giảm	Quy định rõ trình tự thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính cho các cơ sở chưa được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính làm căn cứ cho cơ quan chuyên môn theo ngành, lĩnh vực trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai thực hiện.

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
	nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở theo hình thức hội đồng thẩm định hoặc lấy ý kiến cơ quan có liên quan; d) Các thành viên Hội đồng thẩm định có trách nhiệm đánh giá kết quả kiểm kê khí nhà kính, kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở trên cơ sở sự đầy đủ về nội dung, thông tin, dữ liệu kiểm kê khí nhà kính; sự phù hợp về việc xác định các nguồn phát thải, bể hấp thụ khí nhà kính, phương pháp kiểm kê khí nhà kính, hệ số phát thải áp dụng, phương pháp kiểm soát chất lượng, đảm bảo chất lượng và hệ thống thông tin, dữ liệu về phát thải khí nhà kính của cơ sở; đánh giá sự chính xác và độ tin cậy của kết quả kiểm kê khí nhà kính của cơ sở; mức phát thải khí nhà kính dự kiến trong kỳ kế hoạch khi không áp dụng công nghệ, biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đến từng năm thực hiện cho giai đoạn từ năm 2026 đến hết năm 2030; các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được lựa chọn phù hợp với tình hình thực tế, trình độ công nghệ, nguồn lực thực hiện của cơ sở; phương án theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản công nhận kết quả kiểm kê khí nhà kính và kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của cơ sở. Trường hợp	

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
	kết quả thẩm định có yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản thông báo kết quả thẩm định gửi cơ sở để hoàn thiện. Trường hợp kết quả thẩm định trong thời hạn 20 ngày làm việc, cơ sở có trách nhiệm hoàn thiện báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính, kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. e) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan chuyên môn theo ngành, lĩnh vực rà soát báo cáo đã được chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện theo yêu cầu của văn bản thông báo kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản công nhận kết quả kiểm kê khí nhà kính, kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của cơ sở. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản không công nhận kết quả kiểm kê khí nhà kính, kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của cơ sở và nêu rõ lý do. 6a. Thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính cho các cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính do đơn vị thẩm định quy định tại khoản Điều 14 Nghị định này thực hiện từ năm 2027. Báo cáo kết quả thẩm định được thực hiện theo mẫu do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành và gửi kèm báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính.	

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
Tại Điều 12: 1. Căn cứ mục tiêu, lộ trình giảm nhẹ phát thải khí nhà kính quy định tại Điều 7 Nghị định này và kết quả kiểm kê khí nhà kính trong kỳ kiểm kê gần nhất của các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này, Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ ban hành tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tỷ lệ hạn ngạch dự trữ và đấu giá cho giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm. 2. Căn cứ vào tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính quy định tại khoản 1 Điều này, kết quả kiểm kê khí nhà kính trong kỳ kiểm kê gần nhất và tình hình thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ quản lý lĩnh vực liên quan xây dựng, ban hành định mức phát thải khí nhà kính trên đơn vị sản phẩm đối với các loại hình cơ sở sản xuất, kinh doanh, tổ chức phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này cho giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm. 3. Chi phí thực hiện phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính quy định tại khoản 2 Điều này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.	**Sửa đổi Điều 12:** ***Phương án 1:*** 1. Giai đoạn 2025 - 2026: a) Đối tượng được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính là các nhà máy nhiệt điện, cơ sở sản xuất sắt thép, cơ sở sản xuất xi măng thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này; b) Bộ Công Thương đề xuất lượng hạn ngạch phân bổ hằng năm cho từng nhà máy nhiệt điện, cơ sở sản xuất sắt thép, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 6 năm 2025; c) Bộ Xây dựng đề xuất lượng hạn ngạch phân bổ hằng năm cho từng cơ sở sản xuất xi măng, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 6 năm 2025; d) Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan rà soát, đánh giá, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính kèm theo danh mục cơ sở dự kiến được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính. Căn cứ tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Tài nguyên và Môi trường phân bổ hạn ngạch cho các cơ sở trước ngày 31 tháng 12 năm 2025. 2. Giai đoạn 2027 - 2028 và giai đoạn 2029 - 2030: a) Các bộ quản lý lĩnh vực đề xuất danh mục cơ sở	Theo quy định tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP (khoản 4 Điều 7, khoản 2 Điều 12), các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 sẽ được phân bổ hạn ngạch phát thải KNK cho giai đoạn 2026-2030. Tuy nhiên, hiện nay nhiều cơ sở vẫn chưa cung cấp số liệu chi tiết để kiểm kê KNK làm căn cứ phân bổ hạn ngạch phát thải KNK. Theo kinh nghiệm các nước vận hành thị trường các-bon, trong giai đoạn đầu Chính phủ chỉ phân bổ hạn ngạch cho những doanh nghiệp lĩnh vực phát thải lớn. Ngoài ra, Liên minh châu Âu (EU) đã bắt đầu áp dụng Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon (CBAM) để kiểm soát phát thải KNK và áp dụng mức thuế các-bon đối với các mặt hàng nhập khẩu vào EU gồm: sắt thép, nhôm, xi măng, điện, hydro, phân bón; Hoa Kỳ cũng sẽ áp dụng cơ chế CBAM đối với 08 loại mặt hàng liên quan đến hàng xuất khẩu của Việt Nam. Theo quy định các cơ sở phải nộp báo cáo kiểm kê KNK hai năm một lần. Kết quả kiểm kê KNK là

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
	được phân bổ hạn ngạch căn cứ cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này và lượng hạn ngạch phân bổ hằng năm cho từng cơ sở, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 6 năm 2027 cho giai đoạn 2027 - 2028; trước ngày 30 tháng 6 năm 2029 cho giai đoạn 2029 - 2030; b) Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng cập nhật danh mục cơ sở được phân bổ hạn ngạch và lượng hạn ngạch phân bổ hằng năm cho từng nhà máy nhiệt điện, cơ sở sản xuất sắt thép, cơ sở sản xuất xi măng, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 6 năm 2027 cho giai đoạn 2027 - 2028; trước ngày 30 tháng 6 năm 2029 cho giai đoạn 2029 - 2030; c) Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan rà soát, đánh giá, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính kèm theo danh mục cơ sở dự kiến được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho giai đoạn 2027 - 2028 và giai đoạn 2029 - 2030. Căn cứ tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Tài nguyên và Môi trường phân bổ hạn ngạch cho các cơ sở trước ngày 31 tháng 10 năm 2027 cho giai đoạn 2027 - 2028 và trước ngày 31 tháng 10 năm 2029 cho giai đoạn 2029 - 2030.	cơ sở để vận hành thị trường trao đổi hạn ngạch phát thải KNK. Vì vậy, thời điểm phân bổ hạn ngạch cần theo lộ trình phù hợp với thời điểm các cơ sở nộp báo cáo kiểm kê KNK. Theo quy định tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP (khoản 2 Điều 12), Bộ Tài nguyên và Môi trường được giao chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý lĩnh vực liên quan xây dựng, ban hành định mức phát thải KNK trên đơn vị sản phẩm đối với các loại hình cơ sở sản xuất, kinh doanh nhằm xác định hạn ngạch để phân bổ cho các cơ sở dựa trên cường độ phát thải KNK trên đơn vị sản phẩm. Hiện các Bộ quản lý lĩnh vực đang được giao xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải KNK cấp lĩnh vực; ban hành quy định kỹ thuật kiểm kê KNK và đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải KNK cấp cơ sở và tổ chức kiểm tra việc tuân thủ các quy định trong phạm vi lĩnh vực quản lý, do đó có trách nhiệm phân bổ hạn ngạch phát thải KNK cho các cơ sở thuộc lĩnh vực quản lý. Do đó,

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
	3. Bộ Tài nguyên và Môi trường thu hồi hạn ngạch phát thải khí nhà kính của các cơ sở đã giải thể hoặc phá sản và thực hiện hủy bỏ trên Hệ thống đăng ký quốc gia; điều chỉnh hạn ngạch phát thải khí nhà kính của các cơ sở khi các cơ sở chia, tách, hợp nhất, hoặc sáp nhập. 4. Cơ sở được phân bổ hạn ngạch được phép trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon trên Sàn giao dịch các-bon theo lộ trình quy định tại Điều 17 Nghị định này. 35. Chi phí thực hiện phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước. ***Phương án 2:*** 1. Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng liên ngành đánh giá tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính và phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính (sau đây gọi tắt là Hội đồng liên ngành). Hội đồng liên ngành có ít nhất 11 thành viên. Chủ tịch Hội đồng là Phó Thủ tướng Chính phủ; Phó Chủ tịch thường trực là lãnh đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường; ủy viên Hội đồng là lãnh đạo các Bộ quản lý lĩnh vực quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định này; đại diện	các Bộ quản lý lĩnh vực có trách nhiệm đề xuất hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho các cơ sở thuộc phạm vi quản lý.

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
	một số Bộ, ngành liên quan và chuyên gia trong các lĩnh vực hoạt động của cơ sở được phân bổ hạn ngạch trong trường hợp cần thiết. Cơ quan thường trực của Hội đồng liên ngành là Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trình Chủ tịch Hội đồng ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng liên ngành. 2. Giai đoạn và đối tượng được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính a) Giai đoạn 2025 - 2026, đối tượng được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính là các nhà máy nhiệt điện, cơ sở sản xuất sắt thép, cơ sở sản xuất xi măng thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này. b) Trong giai đoạn 2027 - 2028 và giai đoạn 2029 - 2030, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý lĩnh vực đề xuất điều chỉnh, bổ sung đối tượng được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính trên cơ sở đánh giá hoạt động phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính giai đoạn 2025 - 2026 của Hội đồng liên ngành. 3. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức xác định tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính và hạn ngạch phát thải khí nhà kính phân bổ cho các cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này trình Hội đồng liên ngành xem	

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
	xét, đánh giá. 4. Căn cứ kết luận đánh giá của Hội đồng liên ngành, Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính kèm theo danh mục cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính trước ngày 31 tháng 12 năm 2025 cho giai đoạn 2025-2026, trước ngày 31 tháng 10 năm 2027 cho giai đoạn 2027 - 2028 và trước ngày 31 tháng 10 năm 2029 cho giai đoạn 2029 - 2030. 5. Bộ Tài nguyên và Môi trường thu hồi hạn ngạch phát thải khí nhà kính của các cơ sở đã giải thể hoặc phá sản và thực hiện hủy bỏ trên Hệ thống đăng ký quốc gia; điều chỉnh hạn ngạch phát thải khí nhà kính của các cơ sở khi các cơ sở chia, tách, hợp nhất, hoặc sáp nhập. 6. Cơ sở được phân bổ hạn ngạch được phép trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon trên Sàn giao dịch các-bon theo lộ trình quy định tại Điều 17 Nghị định này. 37. Chi phí thực hiện phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.	

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
Tại Điều 14. Yêu cầu đối với đơn vị thẩm định: 1. Đơn vị thực hiện thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính là tổ chức có năng lực thẩm định được Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu công nhận; hoặc được cấp chứng nhận tiêu chuẩn TCVN ISO 14065 về các yêu cầu đối với các tổ chức thẩm định và kiểm định khí nhà kính sử dụng trong việc công nhận hoặc các hình thức thừa nhận khác; hoặc có kỹ thuật viên được cấp chứng nhận hoàn thành khóa học về kiểm kê khí nhà kính theo quy định của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu đối với lĩnh vực tương ứng. 2. Đơn vị thẩm định thực hiện thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính. 3. Các đơn vị có nhu cầu đề nghị theo Mẫu số 03 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này chứng minh đủ điều kiện thực hiện thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính quy định tại khoản 1 Điều này về Bộ Tài nguyên và Môi trường để được công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu.	**Sửa đổi Điều 14:** Điều 14. Đơn vị thẩm định và têu cầu đối với đơn vị thẩm định: Đơn vị thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính, thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính là tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận theo quy định pháp luật về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc tế ISO 14064-3, có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14065.	Quy định thống nhất với quy định pháp luật về đánh giá sự phù hợp.

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
Tại Điều 16: 1. Cơ sở thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này. 2. Tổ chức tham gia thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước, quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. 3. Tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon trên thị trường các-bon.	**Sửa đổi Điều 16:** 1. Đối tượng tham gia trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính là cơ sở thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính. 2. Đối tượng tham gia trao đổi tín chỉ các-bon là tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức nước ngoài có tư cách pháp nhân tại Việt Nam.	Để tăng sự ổn định của thị trường, đề xuất sửa đổi để quy định rõ đối tượng trao đổi hạn ngạch, đối tượng trao đổi tín chỉ trên thị trường các-bon trong nước.
Tại Điều 17: 1. Giai đoạn đến hết năm 2027 a) Xây dựng quy định quản lý tín chỉ các-bon, hoạt động trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon; xây dựng quy chế vận hành sàn giao dịch tín chỉ các-bon; b) Triển khai thí điểm cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các bon trong các lĩnh vực tiềm năng và hướng dẫn thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước và quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; c) Thành lập và tổ chức vận hành thí điểm sàn giao dịch tín chỉ các-bon kể từ năm 2025;	**Sửa đổi Điều 17:** 1. Giai đoạn đến hết năm 2026 a) Thiết lập Hệ thống đăng ký quốc gia; b) Xây dựng Sàn giao dịch các-bon; c) Thí điểm thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các bon trong nước; d) Triển khai các hoạt động tăng cường năng lực, nâng cao nhận thức về phát triển thị trường các-bon. 2. Giai đoạn từ năm 2027 a) Tổ chức vận hành sàn giao dịch các-bon; b) Triển khai cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các bon trong nước; c) Phát triển cơ chế tạo lập thị trường; d) Thiết lập cơ chế đấu giá hạn ngạch;	Sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tiễn và phù hợp với các nội dung điều chỉnh trong toàn bộ Nghị định.

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
d) Triển khai các hoạt động tăng cường năng lực, nâng cao nhận thức về phát triển thị trường các-bon. 2. Giai đoạn từ năm 2028 a) Tổ chức vận hành sàn giao dịch tín chỉ các-bon chính thức trong năm 2028; b) Quy định các hoạt động kết nối, trao đổi tín chỉ các-bon trong nước với thị trường các-bon khu vực và thế giới.	đ) Hoàn thiện quy định quản lý tín chỉ các-bon, hoạt động trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon.	
Tại Điều 18. Xác nhận tín chỉ các-bon, hạn ngạch phát thải khí nhà kính được giao dịch trên sàn giao dịch của thị trường các-bon trong nước 1. Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận tín chỉ các-bon, hạn ngạch phát thải khí nhà kính được giao dịch trên sàn, bao gồm: a) Lượng tín chỉ các-bon thu được từ chương trình, dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước và quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; b) Hạn ngạch phát thải khí nhà kính được phân bổ quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định này. 2. Trình tự, thủ tục xác nhận a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu xác nhận tín chỉ các-bon, hạn ngạch phát thải khí nhà kính được giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này nộp đơn theo Mẫu số	**Sửa đổi Điều 18 thành: Hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon được giao dịch trên thị trường các-bon trong nước** 1. Hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon được phép giao dịch bao gồm: a) Hạn ngạch phát thải khí nhà kính quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định này. 01 (một) đơn vị hạn ngạch phát thải khí nhà kính thể hiện quyền phát thải bằng 01 (một) tấn CO2 hoặc 01 (một) tấn CO2 tương đương; b) Tín chỉ các-bon được cấp cho kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 của chương trình, dự án thuộc các cơ chế quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 20 Nghị định này. 2. Trình tự, thủ tục xác nhận tín chỉ các-bon được phép giao dịch trên Sàn giao dịch các-bon	Sửa đổi Điều 18 theo hướng giảm thủ tục xác nhận hạn ngạch phát thải khí nhà kính do đây là mặt hàng được Nhà nước cấp và quản lý. Bổ sung nội dung về Hệ thống đăng ký quốc gia phục vụ quản lý hạn ngạch phát thài khí nhà kính và tín chỉ các-bon.

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
01 của Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này về Bộ Tài nguyên và Môi trường qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến để được xác nhận; b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức xác minh, cấp giấy xác nhận và gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân; trong trường hợp không cấp giấy xác nhận thì phải nêu rõ lý do. 3. Giấy xác nhận tín chỉ các-bon, hạn ngạch phát thải khí nhà kính được giao dịch theo Mẫu số 02 của Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này.	a) Tổ chức có nhu cầu xác nhận tín chỉ các-bon được giao dịch quy định tại điểm b khoản 1 Điều này nộp đơn theo Mẫu số 01 của Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này tới Bộ Tài nguyên và Môi trường qua tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia; b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức xác minh thông tin và gửi thông báo xác nhận tín chỉ các-bon được phép giao dịch cho tổ chức qua Hệ thống đăng ký quốc gia. Trường hợp không xác nhận, Bộ Tài nguyên và Môi trường phải nêu rõ lý do. 3. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, ban hành quy định quản lý và vận hành Hệ thống đăng ký quốc gia. 4. Hệ thống đăng ký quốc gia bao gồm: a) Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon; b) Hệ thống phần mềm phục vụ quản lý, vận hành, khai thác thông tin về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon; c) Cơ sở dữ liệu và thông tin tình hình giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon trên lãnh thổ Việt Nam; d) Cơ sở dữ liệu về cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định này.	

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
	5. Trình tự, thủ tục đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia a) Bộ Tài nguyên và Môi trường thông báo thông tin tài khoản đăng ký trên Hệ thống đăng ký quốc gia cho các cơ sở thuộc khoản 1 Điều 16; b) Tổ chức được cấp tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 20 Nghị định này nộp đơn đăng ký tài khoản tới Bộ Tài nguyên và Môi trường thông qua Hệ thống đăng ký quốc gia; c) Sau khi nhận được đơn đăng ký, Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp tài khoản và thông báo tới tổ chức trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được đơn đăng ký. Trường hợp không cấp tài khoản, Bộ Tài nguyên và Môi trường phải nêu rõ lý do.	
Tại Điều 19: 1. Việc trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon được thực hiện trên sàn giao dịch tín chỉ các-bon, thị trường các-bon trong nước theo quy định. 2. Hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon được giao dịch a) Hạn ngạch phát thải khí nhà kính quy định tại khoản 2 Điều 12 được giao dịch trên sàn. 01 đơn vị hạn ngạch phát thải khí nhà kính bằng 01 tấn CO2 tương đương;	**Sửa đổi Điều 19:** 1. Trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính a) Trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính là việc mua, bán hạn ngạch phát thải khí nhà kính giữa các cơ sở được phân bổ hạn ngạch, thực hiện theo hình thức khớp lệnh hoặc theo hình thức thỏa thuận; b) Đối với hình thức khớp lệnh, việc trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính được thực hiện trên Sàn giao dịch các-bon theo hướng dẫn giao dịch của Sàn giao dịch các-bon;	Quy định chi tiết về thời điểm và trình tự thủ tục thực hiện các hoạt động: i) mua, bán hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon; ii) nộp trả, chuyển giao, vay mượn hạn ngạch phát thải khí nhà kính.

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
b) Tín chỉ các-bon thu được từ chương trình, dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon được phép chuyển đổi thành đơn vị bù trừ cho hạn ngạch phát thải khí nhà kính trên sàn giao dịch. 01 tín chỉ các-bon bằng 01 tấn CO2 tương đương. 3. Đấu giá, chuyển giao, vay mượn, nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính, sử dụng tín chỉ các-bon để bù trừ phát thải khí nhà kính a) Các cơ sở có thể đấu giá để sở hữu thêm hạn ngạch phát thải khí nhà kính ngoài lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính được phân bổ trong cùng 01 giai đoạn cam kết; b) Các cơ sở có thể chuyển giao lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính chưa sử dụng hết trong năm trước sang các năm tiếp theo trong cùng 01 giai đoạn cam kết; c) Các cơ sở có thể vay hạn ngạch phát thải khí nhà kính được phân bổ cho năm tiếp theo để sử dụng trong năm trước đó trong cùng 01 giai đoạn cam kết; d) Các cơ sở có thể sử dụng tín chỉ các-bon từ các dự án thuộc các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon để bù cho lượng phát thải khí nhà kính vượt quá hạn ngạch phát thải khí nhà kính được phân bổ trong 01 giai đoạn cam kết. Số lượng tín chỉ các-bon để bù trừ	c) Đối với hình thức thỏa thuận, cơ sở sau khi trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính thực hiện điều chỉnh hạn ngạch phát thải khí nhà kính thông qua tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia theo hướng dẫn của Bộ tài nguyên và Môi trường; đ) Hoạt động trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính không bao gồm việc thay đổi sở hữu hạn ngạch phát thải khí nhà kính thông qua chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các cơ sở hoặc các hình thức mua bán khác không được quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này. 2. Nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính a) Đối với mỗi giai đoạn phân bổ, cơ sở có trách nhiệm nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho Nhà nước. Lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính nộp trả phải tối thiểu bằng với kết quả kiểm kê khí nhà kính trong giai đoạn được phân bổ của cơ sở trừ đi lượng tín chỉ các-bon đã bù trừ; b) Cơ sở thực hiện nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính tại Hệ thống đăng ký quốc gia trước ngày 31 tháng 12 của năm kế tiếp giai đoạn được phân bổ quy định tại Điều 12 Nghị định này; c) Cơ sở có trách nhiệm nộp trả lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính tối thiểu bằng với kết quả kiểm kê	

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
phát thải không được vượt quá 10% tổng số hạn ngạch phát thải khí nhà kính được phân bổ cho cơ sở; đ) Hạn ngạch phát thải khí nhà kính đã phân bổ sẽ tự động được Bộ Tài nguyên và Môi trường thu hồi khi các cơ sở dừng hoạt động, giải thể hoặc phá sản; e) Nhà nước khuyến khích các cơ sở tự nguyện nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính chưa sử dụng hết góp phần thực hiện mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của quốc gia; g) Vào cuối mỗi giai đoạn cam kết, các cơ sở phải nộp tiền thanh toán cho lượng phát thải khí nhà kính vượt quá số hạn ngạch phát thải khí nhà kính được phân bổ sau khi áp dụng các hình thức đấu giá, chuyển giao, vay mượn, sử dụng tín chỉ các-bon để bù trừ. Ngoài việc phải nộp tiền thanh toán, lượng phát thải khí nhà kính vượt quá lượng hạn ngạch được phân bổ sẽ được trừ vào hạn ngạch phân bổ cho giai đoạn cam kết sau đó; h) Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn đấu giá, chuyển giao, vay mượn và nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính.	khí nhà kính trong giai đoạn được phân bổ của cơ sở đã được thẩm định; d) Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện hủy bỏ hạn ngạch đã được nộp trả trên Hệ thống đăng ký quốc gia; đ) Nhà nước khuyến khích các cơ sở tự nguyện nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính nhiều hơn kết quả kiểm kê khí nhà kính trong giai đoạn được phân bổ, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của quốc gia. e) Cơ sở được phép áp dụng các hình thức mua, vay mượn, chuyển giao hạn ngạch phát thải khí nhà kính quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều này và sử dụng tín chỉ các-bon để bù trừ phát thải khí nhà kính quy định tại khoản 5 Điều này để thực hiện trách nhiệm nộp trả; g) Sau ngày 31 tháng 12 của năm kế tiếp giai đoạn được phân bổ, cơ sở phải mua tín chỉ các-bon từ rừng bằng với lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính nộp trả còn thiếu và thực hiện điều chỉnh trên Hệ thống đăng ký quốc gia; h) Ngoài việc mua bổ sung tín chỉ các-bon từ rừng, lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính nộp trả còn thiếu sẽ bị trừ vào hạn ngạch phân bổ của cơ sở cho giai đoạn kế tiếp. 3. Vay mượn hạn ngạch phát thải khí nhà kính	

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
	a) Cơ sở có thể vay mượn lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính được phân bổ cho giai đoạn tiếp theo của chính cơ sở đó để đảm bảo hoạt động nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính của giai đoạn hiện tại; b) Trong giai đoạn đến hết năm 2030, cơ sở được phép vay mượn hạn ngạch phát thải khí nhà kính được phân bổ cho giai đoạn tiếp theo của cơ sở đó để sử dụng cho hoạt động nộp trả cho giai đoạn được phân bổ. Số lượng hạn ngạch vay mượn không vượt quá 15% lượng hạn ngạch đã được phân bổ cho giai đoạn được phân bổ và không được sử dụng để trao đổi; c) Cơ sở thực hiện vay mượn hạn ngạch phát thải khí nhà kính trên Hệ thống đăng ký quốc gia trước khi nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính của giai đoạn được phân bổ. 4. Chuyển giao hạn ngạch phát thải khí nhà kính a) Cơ sở có thể chuyển giao lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính chưa sử dụng hết sau khi hoàn thành nộp trả của giai đoạn hiện tại sang giai đoạn tiếp theo kế tiếp; b) Trong giai đoạn đến hết năm 2030, cơ sở được phép chuyển giao hạn ngạch phát thải khí nhà kính của giai đoạn được phân bổ sang giai đoạn được phân bổ tiếp theo; c) Cơ sở thực hiện chuyển giao hạn ngạch phát thải khí nhà kính trên Hệ thống đăng ký quốc gia trước khi nộp	

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
	trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính của giai đoạn được phân bổ; d) Sau 30 ngày kể từ thời hạn nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính của giai đoạn được phân bổ, Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện hủy bỏ số lượng hạn ngạch của các giai đoạn được phân bổ trước đó không được chuyển giao hoặc/và nộp trả của cơ sở trên Hệ thống đăng ký quốc gia. 5. Sử dụng tín chỉ các-bon để bù trừ phát thải khí nhà kính a) Cơ sở có thể sử dụng tín chỉ các-bon từ dự án thuộc các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 20 Nghị định này để bù trừ không quá 10% lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính được phân bổ của cơ sở; b) Cơ sở sử dụng tín chỉ các-bon để bù trừ phát thải khí nhà kính thực hiện trên Hệ thống đăng ký quốc gia trong quá trình nộp trả. 6. Trong mọi trường hợp, cơ sở không được sở hữu thấp hơn 70% hoặc cao hơn 150% tổng lượng hạn ngạch được phân bổ cho cơ sở đó tại bất kỳ một thời điểm nào trong giai đoạn được phân bổ hạn ngạch. 7. Trao đổi tín chỉ các-bon phục vụ bù trừ phát thải khí nhà kính	

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
	a) Trao đổi tín chỉ các-bon phục vụ bù trừ phát thải khí nhà kính là việc mua, bán tín chỉ các-bon giữa các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này và tổ chức sở hữu tín chỉ các-bon thuộc các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 20 Nghị định này theo hình thức khớp lệnh trên Sàn giao dịch các-bon theo hướng dẫn giao dịch của Sàn giao dịch các-bon; b) Hoạt động trao đổi tín chỉ các-bon phải bảo đảm tuân thủ quy định tại các luật khác có liên quan.	
Tại Điều 20. Đăng ký chương trình, dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon: 1. Đối tượng xây dựng, thực hiện chương trình, dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon a) Tổ chức Việt Nam có nhu cầu xây dựng, thực hiện chương trình, dự án; b) Tổ chức nước ngoài có nhu cầu xây dựng, thực hiện chương trình, dự án trên lãnh thổ Việt Nam. 2. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện chương trình, dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong khuôn khổ Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, điều ước và thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên nộp hồ sơ đăng ký đề nghị chấp thuận chương trình, dự án tới Bộ Tài nguyên và Môi trường	**Sửa đổi Điều 20 thành: Cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon** 1. Cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon bao gồm: a) Cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước; b) Cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế theo thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế giữa Chính phủ Việt Nam và bên ký kết nước ngoài; c) Cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong khuôn khổ Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, điều ước và thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; d) Cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế khác. 2. Lĩnh vực được thực hiện dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon a) Sản xuất năng lượng;	Theo Luật Bảo vệ môi trường quy định để thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cần xây dựng và triển khai cơ chế, phương thức hợp tác về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (điểm d khoản 2 Điều 91); thực hiện các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước, quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (khoản 7 Điều 91). Việt Nam đã tham gia các cơ

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
theo một trong các hình thức: nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính. Hồ sơ đề nghị chấp thuận dự án bao gồm: a) Đơn đề nghị chấp thuận chương trình, dự án theo Mẫu số 03 của Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này; b) Tài liệu chương trình, dự án được xây dựng theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường phù hợp với quy định của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, điều ước và thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; c) Báo cáo kỹ thuật hoặc báo cáo thẩm định chương trình, dự án của cơ quan thẩm định độc lập theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường phù hợp với quy định của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, điều ước và thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; d) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực các loại giấy phép và văn bản có liên quan đến hoạt động chuyên môn của chương trình, dự án theo quy định hiện hành. 3. Đánh giá và chấp thuận chương trình, dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong khuôn khổ	b) Phân phối năng lượng; c) Tiêu thụ năng lượng; d) Công nghiệp chế tạo; đ) Công nghiệp hóa chất; e) Xây dựng; g) Giao thông vận tải; h) Khai thác và chế biến khoáng sản; i) Sản xuất kim loại; k) Phát thải từ nhiên liệu (nhiên liệu rắn, dầu và khí); l) Phát thải từ sản xuất và tiêu thụ Halocarbons và Sulphur hexafluoride; m) Sử dụng dung môi; n) Xử lý chất thải; o) Trồng rừng và tái trồng rừng; giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng, bảo tồn, nâng cao trữ lượng các-bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng (REDD+); p) Nông nghiệp; q) Lĩnh vực khác phù hợp với hướng dẫn của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu và quy định của pháp luật Việt Nam. 3. Đối tượng tham gia cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon a) Các tổ chức có tư cách pháp nhân tại Việt Nam được phép tham gia cơ chế quy định tại khoản 1 Điều này;	chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế theo Nghị định thư Kyoto thuộc UNFCCC (Cơ chế phát triển sạch CDM), theo cơ chế hợp tác song phương với Nhật Bản (Cơ chế tín chỉ chung JCM). Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành các Thông tư hướng dẫn triển khai các cơ chế nêu trên bao gồm đầy đủ quy trình đăng ký, triển khai dự án (phê duyệt và công nhận phương pháp luận, phê duyệt ý tưởng dự án, phê duyệt dự án, cấp tín chỉ các-bon). Để quy định chung về triển khai các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon và đảm bảo quy định về các thủ tục hành chính cần bổ sung quy định về phê duyệt và công nhận phương pháp luận, phê duyệt ý tưởng dự án, phê duyệt dự án, cấp tín chỉ các-bon tại Nghị định. Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn và tiến trình đàm phán triển khai thực hiện Điều 6 Thỏa thuận Paris, mặc dù quy định về chuyển giao tín chỉ các-bon giữa các nước chưa đạt được sự thống nhất, nhưng đã có nhiều quốc gia (Singapore, Hàn

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, điều ước và thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Bộ Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức về một trong các trường hợp: chấp nhận hồ sơ hợp lệ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc từ chối nếu hồ sơ không hợp lệ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề nghị là không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày có thông báo bằng văn bản về việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị hợp lệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức đánh giá hồ sơ đề nghị chấp thuận chương trình, dự án thông qua việc lấy ý kiến cơ quan có liên quan. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo hồ sơ; c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả đánh giá, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định chấp thuận chương trình, dự án và thông báo cho tổ chức đề nghị; trong trường hợp không được chấp thuận thì phải nêu rõ lý do.	b) Các tổ chức nước ngoài được phép tham gia cơ chế quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều này; c) Các bộ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này tham gia thực hiện cơ chế quy định tại điểm b khoản 1 Điều này theo thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế giữa Chính phủ Việt Nam và bên ký kết nước ngoài. 4. Đơn vị thẩm định theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon a) Đối với cơ chế trao đổi, bù trừ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, đơn vị thẩm định do cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế thống nhất với bên ký kết nước ngoài công bố; b) Đối với cơ chế trao đổi, bù trừ quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này, đơn vị thẩm định do cơ quan chủ trì cơ chế quy định. 5. Dự án theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon phải bảo đảm các yêu cầu về minh bạch, tránh tính trùng. 6. Biện pháp thực hiện giảm phát thải đối với các dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế theo thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế giữa Chính phủ Việt Nam và bên ký kết nước ngoài được quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục V Nghị định này. 7. Quy trình tham gia cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon	Quốc, Úc, Thụy Sĩ) quan tâm và sẵn sàng ký kết các thỏa thuận song phương với Việt Nam để triển khai các dự án tạo tín chỉ các-bon và chuyển giao tín chỉ các-bon để đóng góp thực hiện mục tiêu NDC của quốc gia đối tác. Cần xác định lĩnh vực và các biện pháp giảm phát thải khuyến khích trao đổi tín chỉ các-bon quốc tế. Trước khi trao đổi tín chỉ các-bon ra quốc tế, các bên cần làm rõ việc trao đổi tín chỉ có ảnh hưởng đến việc thực hiện mục tiêu giảm phát thải quốc gia (NDC) của Việt Nam hay không và theo quy định tại Thỏa thuận Paris cần có Thư chấp thuận của Việt Nam cho đối tác về việc chuyển giao tín chỉ. Do đó, cần quy định về đăng ký cấp Thư chấp thuận.

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
4. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về tổ chức đánh giá chương trình, dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong khuôn khổ Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, chỉ định cơ quan quản lý chuyên ngành về biến đổi khí hậu làm cơ quan thường trực đánh giá. 5. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện chương trình, dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon ngoài khuôn khổ Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, điều ước và thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên trên lãnh thổ Việt Nam có trách nhiệm: a) Khi đăng ký chương trình, dự án phải gửi thông tin đăng ký về Bộ Tài nguyên và Môi trường theo Mẫu số 04 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này; b) Trong quá trình triển khai thực hiện chương trình, dự án phải định kỳ hằng năm cung cấp thông tin tình hình thực hiện cho Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 theo Mẫu số 05 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này.	a) Đối với cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, quy trình tham gia bao gồm: Đăng ký phương pháp luận tạo tín chỉ các-bon; Đăng ký ý tưởng dự án; Đăng ký dự án; Cấp tín chỉ các-bon; b) Đối với cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều này, quy trình tuân theo các quy định của cơ quan quản lý cơ chế ban hành. 8. Đăng ký phương pháp luận tạo tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế theo thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế giữa Chính phủ Việt Nam và bên ký kết nước ngoài a) Tổ chức nộp hồ sơ đề xuất đăng ký phương pháp luận tới cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Hồ sơ bao gồm: Mẫu đề xuất phương pháp luận, Biểu mẫu tính phương pháp luận đề xuất, dự thảo Tài liệu thiết kế dự án dự kiến áp dụng phương pháp luận đề xuất; b) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề xuất đăng ký phương pháp luận, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế thông báo cho tổ chức đề xuất về tính hợp lệ của hồ sơ. Trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ, tổ chức đề xuất hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày có thông báo;	

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
	c) Đối với hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế đăng tải hồ sơ đề xuất đăng ký phương pháp luận và lấy ý kiến rộng rãi trên trang thông tin điện tử trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ; d) Trong thời hạn 07 ngày kể từ khi kết thúc lấy ý kiến, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế gửi thông báo tới tổ chức đề xuất để yêu cầu giải trình hoặc bổ sung thông tin cần thiết; đ) Trong thời hạn 60 ngày kể từ khi kết thúc lấy ý kiến, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan về hồ sơ đề xuất đăng ký phương pháp luận. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn tối đa 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản. e) Trong thời hạn 05 ngày sau khi nhận được đầy đủ ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế thống nhất với bên ký kết nước ngoài về việc đăng ký phương pháp pháp luận và thông báo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức đề xuất; trong trường hợp không được đăng ký thì phải nêu rõ lý do. g) Tổ chức có nhu cầu điều chỉnh phương pháp luận đã được đăng ký tiến hành thủ tục theo trình tự quy định tại điểm a, b, d của khoản này.	

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
	9. Đăng ký ý tưởng dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế theo thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế giữa Chính phủ Việt Nam và bên ký kết nước ngoài a) Tổ chức nộp hồ sơ đề xuất đăng ký ý tưởng dự án tới cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Hồ sơ bao gồm: Tài liệu đề xuất ý tưởng dự án, Tài liệu đề xuất phương pháp luận dự kiến áp dụng cho dự án; Đề xuất tỉ lệ phân bổ tín chỉ kèm hồ sơ chứng minh đóng góp tài chính của các bên tham gia dự án; Biên bản cuộc họp tham vấn với các Bộ quản lý lĩnh vực; b) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề xuất đăng ký ý tưởng dự án, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế thông báo cho tổ chức đề xuất về tính hợp lệ của hồ sơ. Trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ, tổ chức đề xuất hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày có thông báo; c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan về hồ sơ đăng ký ý tưởng dự án. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn tối đa 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản;	

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
	d) Trong thời hạn không 05 ngày sau khi nhận được đầy đủ ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế thống nhất với bên ký kết nước ngoài về việc đăng ký ý tưởng dự án và thông báo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức đề nghị; trong trường hợp không được đăng ký thì phải nêu rõ lý do. đ) Tổ chức có nhu cầu điều chỉnh ý tưởng dự án đã được đăng ký tiến hành thủ tục theo trình tự quy định tại điểm a, b của khoản này. 10. Đăng ký dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế theo thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế giữa Chính phủ Việt Nam và bên ký kết nước ngoài a) Tổ chức nộp hồ sơ đề nghị đăng ký dự án tới cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Hồ sơ bao gồm: Tài liệu thiết kế dự án kèm Kế hoạch giám sát dự án; Báo cáo thẩm định tài liệu thiết kế dự án của đơn vị thẩm định quy định tại Điều 14, Tài liệu ý tưởng dự án được phê duyệt; Kế hoạch thực hiện phát triển bền vững; Phương thức liên lạc; Đề xuất tỉ lệ phân bổ tín chỉ kèm hồ sơ chứng minh đóng góp tài chính của các bên tham gia dự án; Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực các loại giấy phép liên quan đến hoạt động chuyên môn của dự án theo quy định hiện hành;	

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
	b) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị đăng ký dự án, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế thông báo cho tổ chức đề xuất về tính hợp lệ của hồ sơ. Trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ, tổ chức đề xuất hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày có thông báo; c) Đối với hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế đăng tải hồ sơ đề xuất đăng ký dự án và lấy ý kiến rộng rãi trên trang thông tin điện tử trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ; d) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày kết thúc lấy ý kiến rộng rãi, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế tổng hợp và gửi ý kiến cho tổ chức đề xuất; đ) Tổ chức đề xuất yêu cầu đơn vị thẩm định tiến hành thẩm định hồ sơ đề xuất đăng ký dự án theo hướng dẫn của cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế. Hoạt động thẩm định có thể thực hiện vào thời điểm trước, trong hoặc sau khi lấy ý kiến rộng rãi; e) Sau khi có kết quả thẩm định đạt yêu cầu, tổ chức đề xuất bổ sung báo cáo thẩm định dự án cho cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế kèm theo hồ sơ đề xuất đăng ký dự án theo quy định tại điểm a khoản này nếu có chỉnh sửa; g) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế thông báo cho tổ	

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
	chức đề xuất về tính hợp lệ của hồ sơ. Trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ, tổ chức đề xuất hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày có thông báo; h) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan liên quan về hồ sơ đề xuất đăng ký dự án. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn tối đa 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản; i) Trong thời hạn 05 ngày sau khi nhận được đầy đủ ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế thống nhất với bên ký kết nước ngoài về việc đăng ký dự án và thông báo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức đề xuất; trong trường hợp không được đăng ký thì phải nêu rõ lý do. k) Tổ chức có nhu cầu điều chỉnh dự án đã được đăng ký tiến hành thủ tục theo trình tự quy định tại điểm a, b, đ, e, g của khoản này. l) Đối với các dự án đã được đăng ký, các tổ chức tham gia dự án được phép nộp đơn đề nghị rút đăng ký hoặc rút tham gia dự án qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế; m) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế thống nhất	

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
	với bên ký kết nước ngoài về việc rút đăng ký hoặc rút tham gia dự án và thông báo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức đề nghị; n) Tổ chức tham gia dự án phải hoàn thành các nghĩa vụ đã cam kết và chịu trách nhiệm với các bên liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành do quyết định rút đăng ký hoặc rút tham gia dự án. 11. Cấp tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế theo thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế giữa Chính phủ Việt Nam và bên ký kết nước ngoài a) Tổ chức nộp hồ sơ đề nghị cấp tín chỉ tới cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Hồ sơ gồm: Đơn đề nghị cấp tín chỉ; Báo cáo giám sát dự án; Báo cáo thẩm định kết quả giảm nhẹ dự án; Báo cáo phát triển bền vững; Đề xuất tỉ lệ phân bổ tín chỉ trong trường hợp có điều chỉnh kèm giải trình đề xuất điều chỉnh tỉ lệ phân bổ tín chỉ; b) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế thông báo cho tổ chức đề nghị về tính hợp lệ của hồ sơ. Trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ, tổ chức đề nghị hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày có thông báo;	

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
	Sau 15 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo, trường hợp tổ chức không gửi hồ sơ đã được hoàn thiện theo văn bản thông báo thì phải thực hiện nộp lại hồ sơ như lần đầu. c) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn tối đa 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản; d) Trong thời hạn 05 ngày sau khi nhận được đầy đủ ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế thống nhất với bên ký kết nước ngoài về việc cấp tín chỉ các-bon và thông báo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức đề nghị; trong trường hợp không cấp tín chỉ các-bon thì phải nêu rõ lý do. 12. Quy trình chấp thuận, chuyển đổi dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quy định tại điểm c khoản 1 Điều này quy định như sau: a) Tổ chức nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận, chuyển đổi dự án tới Bộ Tài nguyên và Môi trường qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Hồ sơ đề nghị chấp thuận dự án bao gồm: Đơn đề nghị; Tài liệu thiết kế dự án; Báo cáo kỹ thuật hoặc báo cáo thẩm định dự án theo quy định của cơ chế; Bản sao kèm bản chính để đối chiếu	

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
	hoặc bản sao có chứng thực các loại giấy phép và văn bản có liên quan đến hoạt động chuyên môn của dự án theo quy định hiện hành. b) Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Bộ Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức đề nghị về một trong các trường hợp: chấp nhận hồ sơ hợp lệ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc từ chối nếu hồ sơ không hợp lệ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề nghị là không quá 15 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo về việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; c) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị hợp lệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức đánh giá hồ sơ đề nghị chấp thuận, chuyển đổi dự án thông qua việc lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn tối đa 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo hồ sơ; d) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày có kết quả đánh giá, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định chấp thuận, chuyển đổi dự án và thông báo cho tổ chức đề nghị; trong trường hợp không được chấp thuận, chuyển đổi thì phải nêu rõ lý do.	

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
	13. Tổ chức tham gia thực hiện dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quy định tại điểm d khoản 1 Điều này có trách nhiệm: a) Gửi thông tin dự án về Bộ Tài nguyên và Môi trường theo Mẫu số 04 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này qua Hệ thống đăng ký quốc gia trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhận được thông báo chấp thuận đăng ký của cơ quan chủ trì cơ chế; b) Cung cấp thông tin tình hình thực hiện cho Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 hằng năm theo Mẫu số 05 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này qua Hệ thống đăng ký quốc gia trong quá trình triển khai thực hiện dự án; 14. Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố thông tin về phương pháp luận, ý tưởng dự án, tài liệu thiết kế dự án, tín chỉ các-bon của các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trên Hệ thống đăng ký quốc gia. 15. Ban hành Thư chấp thuận chuyển giao tín chỉ các-bon quốc tế a) Đối với việc cấp Thư chấp thuận chuyển giao tín chỉ các-bon quốc tế theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định này, tổ chức được cấp tín chỉ các-bon gửi đơn đề nghị cấp Thư chấp thuận đến Bộ Tài nguyên và Môi trường. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét,	

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
	quyết định ban hành Thư chấp thuận chuyển giao tín chỉ các-bon quốc tế trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được đơn. Trong trường hợp không được chấp thuận, Bộ Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức đề nghị và nêu rõ lý do; b) Đối với việc cấp Thư chấp thuận chuyển giao tín chỉ các-bon quốc tế theo Thỏa thuận mua bán tín chỉ các-bon ký kết giữa bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và bên ký kết nước ngoài, cơ quan ký kết phía Việt Nam gửi hồ sơ đề nghị cấp Thư chấp thuận đến Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hồ sơ bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện dự án; Tài liệu thiết kế dự án; Lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon đề xuất chuyển giao quốc tế; c) Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức liên quan về hồ sơ đề nghị. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời trong vòng 20 ngày; d) Căn cứ ý kiến của các cơ quan, tổ chức liên quan, tình hình thực hiện mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính quốc gia và lĩnh vực, Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, ban hành Thư chấp thuận và thông báo cho cơ quan đề nghị trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến các cơ quan, tổ chức liên quan. Trong trường hợp không được chấp thuận, Bộ Tài	

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
	nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức đề nghị và nêu rõ lý do; đ) Đối với các dự án không được cấp Thư chấp thuận, kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon chỉ được sử dụng cho mục tiêu NDC của Việt Nam, không đóng góp vào mục tiêu NDC của quốc gia khác và mục tiêu giảm nhẹ quốc tế khác. 16. Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành mẫu hồ sơ quy định tại Điều này.	
Tại khoản 1, khoản 2 Điều 21: 1. Bộ Tài chính chủ trì xây dựng, thành lập sàn giao dịch tín chỉ các-bon và ban hành cơ chế quản lý tài chính cho hoạt động của thị trường các-bon. 2. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ liên quan tổ chức vận hành thí điểm và vận hành chính thức sàn giao dịch tín chỉ các-bon phục vụ quản lý và theo dõi, giám sát thị trường các-bon; quy định các hoạt động kết nối sàn giao dịch tín chỉ các-bon trong nước với thị trường các-bon khu vực và thế giới; quy định thực hiện các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon; xây dựng tài liệu tuyên truyền, thực hiện các hoạt động tăng cường năng lực cho các đối tượng tham gia thị trường các-bon.	**Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 21:** 1. Bộ Tài chính chủ trì xây dựng, thành lập sàn giao dịch các-bon và ban hành cơ chế quản lý tài chính cho hoạt động của thị trường các-bon. 2. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ liên quan tổ chức vận hành thí điểm và vận hành chính thức sàn giao dịch các-bon phục vụ quản lý và theo dõi, giám sát thị trường các-bon; quy định các hoạt động kết nối sàn giao dịch các-bon trong nước với thị trường các-bon khu vực và thế giới; quy định thực hiện các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon; xây dựng tài liệu tuyên truyền, thực hiện các hoạt động tăng cường năng lực cho các đối tượng tham gia thị trường các-bon.	Sửa đổi cụm từ "sàn giao dịch tín chỉ các-bon" thành "sàn giao dịch các-bon" đảm bảo việc giao dịch cả hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon được thực hiện trên sàn giao dịch.

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
Tại điểm d khoản 1 Điều 24: d) Tổ chức sở hữu thiết bị có chứa các chất được kiểm soát: máy điều hòa không khí có năng suất lạnh danh định lớn hơn 26,5 kW (90.000 BTU/h) và có tổng năng suất lạnh danh định của các thiết bị lớn hơn 586 kW (2.000.000 BTU/h); thiết bị lạnh công nghiệp có công suất điện lớn hơn 40 kW;	**Sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 24:** d) Tổ chức sở hữu thiết bị có chứa các chất được kiểm soát: máy điều hòa không khí có năng suất lạnh danh định lớn hơn 26,5 kW (90.000 BTU/h) trở lên; thiết bị lạnh công nghiệp có công suất điện từ 40 Kw trở lên;	Để quản lý, giám sát chặt chẽ các thiết bị có công suất lớn để thực hiện việc thu gom, tái sử dụng, tái chế hoặc xử lý các chất được kiểm soát có chứa trong các thiết bị này cần điều chỉnh quy định.
Tại khoản 9 Điều 25: 9. Tổ chức nhập khẩu các chất được kiểm soát theo hạn ngạch được phân bổ nhưng sau đó xuất khẩu được xem xét bổ sung hạn ngạch nhập khẩu không vượt quá lượng đã xuất khẩu.	**Sửa đổi khoản 9 Điều 25:** 9. Tổ chức nhập khẩu các chất được kiểm soát theo hạn ngạch được phân bổ nhưng sau đó xuất khẩu được xem xét bổ sung hạn ngạch nhập khẩu không vượt quá lượng đã xuất khẩu. Hạn ngạch nhập khẩu bổ sung được xem xét điều chỉnh, bổ sung vào hạn ngạch nhập khẩu đã cấp trong năm hoặc năm kế tiếp khi có đề nghị.	Bổ sung thời điểm bổ sung hạn ngạch nhập khẩu cho các tổ chức xuất khẩu.
Tại khoản 1 Điều 28: 1. Tổ chức sản xuất, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát; sở hữu thiết bị có chứa các chất được kiểm soát quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 24 Nghị định này thực hiện việc thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát theo nguyên tắc sau:	**Sửa đổi khoản 1 Điều 28:** 1. Tổ chức sở hữu thiết bị có chứa các chất được kiểm soát quy định tại điểm d khoản 1 Điều 24 Nghị định này thực hiện việc thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát theo nguyên tắc sau:	Bổ sung các quy định về chất được kiểm soát sau tái chế không thuộc đối tượng bị cấm tiêu thụ để tạo điều kiện cho hoạt động thu gom, tái chế và tái sử dụng các chất, đáp ứng yêu cầu sử dụng của xã hội; đồng thời để bảo đảm tính khả thi trong triển khai và thống nhất trong hệ

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
		thống pháp luật, cần điều chỉnh một số nội dung.
Tại điểm c khoản 2 Điều 28: c) Đối với trường hợp không thể tái chế, tái sử dụng thì việc vận chuyển, lưu giữ, tiêu hủy thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại.	**Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 28:** c) Đối với trường hợp không thể tái chế, tái sử dụng thì việc xử lý thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại.	Bổ sung các quy định về chất được kiểm soát sau tái chế không thuộc đối tượng bị cấm tiêu thụ để tạo điều kiện cho hoạt động thu gom, tái chế và tái sử dụng các chất, đáp ứng yêu cầu sử dụng của xã hội; đồng thời để bảo đảm tính khả thi trong triển khai và thống nhất trong hệ thống pháp luật, cần điều chỉnh một số nội dung.
Tại khoản 5 Điều 28: 5. Cá nhân sở hữu thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát khi không còn sử dụng có trách nhiệm vận chuyển đến điểm thu gom được thiết lập theo quy định mà không làm thay đổi hình dạng thiết bị, sản phẩm hoặc chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.	**Sửa đổi khoản 5 Điều 28:** 5. Nhà sản xuất, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ các chất được kiểm soát có năng suất lạnh danh định dưới 90.000 BTU/h hoặc công suất điện dưới 40 kW có trách nhiệm thu gom, tái chế, xử lý các chất được kiểm soát đối với thiết bị theo quy định tại khoản 1 Điều này từ ngày 01 tháng 01 năm 2028.	
Tại Điều 28	**Bổ sung khoản 7 Điều 28:** 7. Chất được kiểm soát sau khi tái chế không thuộc đối tượng cấm tiêu thụ theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 5 Điều 22 Nghị định này và không được tính vào tổng lượng tiêu thụ quốc gia.	
Tại điểm b khoản 1 Điều 29: b) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch quốc gia về quản lý, loại trừ các chất được kiểm soát; trình cấp có thẩm quyền ban hành, sửa đổi, bổ sung danh mục, hướng dẫn sử dụng các chất được kiểm soát và quy định về điều kiện sản xuất, sử dụng các chất được kiểm soát theo cam kết thực hiện điều	**Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 29:** b) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành, tổ chức thực hiện Kế hoạch quốc gia về quản lý, loại trừ các chất được kiểm soát; ban hành, sửa đổi, bổ sung danh mục, hướng dẫn sử dụng và quy định quản lý các chất được kiểm soát, sản phẩm, hàng hóa có chứa hoặc sản xuất từ các chất được kiểm soát theo cam kết thực	Để thống nhất, đồng bộ trong xây dựng, tổ chức thực hiện Kế hoạch quốc gia về quản lý, loại trừ các chất được kiểm soát và giúp Chính phủ trong quản lý các chất và sản phẩm, hàng hóa có chứa hoặc được sản xuất từ các chất này, cần bổ

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
ước quốc tế về bảo vệ tầng ô-dôn mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;	hiện điều ước quốc tế về bảo vệ tầng ô-dôn mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;	sung trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
Tại khoản 5 Điều 29 5. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường:	**Sửa đổi khoản 5, bổ sung điểm d khoản 5 Điều 29:** 5. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường: d) Tổ chức cấp chứng chỉ kỹ năng nghề cho kỹ thuật viên làm việc trong lĩnh vực liên quan đến chất được kiểm soát.	Để thống nhất với quy định về yêu cầu đối với kỹ thuật viên, cần bổ sung nội dung liên quan đến hoạt động cấp chứng chỉ kỹ năng nghề cho kỹ thuật viên làm việc trong lĩnh vực liên quan đến chất được kiểm soát, cần bổ sung trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
Tại Điều 33: 1. Hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tiêu hủy các chất gây hiệu ứng nhà kính này được áp dụng cơ chế hợp tác, trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon theo quy định tại Điều 20 Nghị định này. 2. Tổ chức, cá nhân có hoạt động nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao và phát triển công nghệ giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ô-dôn, sử dụng các chất thay thế thân thiện khí hậu được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ. 3. Tổ chức, cá nhân thực hiện việc chuyển đổi công nghệ nhằm giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ô-dôn; cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý các chất được kiểm soát được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại Điều 141 Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn có liên quan.	**Sửa đổi Điều 33:** 1. Hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tiêu hủy các chất gây hiệu ứng nhà kính này được áp dụng cơ chế hợp tác, trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon theo quy định tại Điều 20 Nghị định này. 2. Tổ chức, cá nhân có hoạt động nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao và phát triển công nghệ giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, làm mát bền vững thân thiện với khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn, tái chế các chất được kiểm soát được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ. 3. Tổ chức, cá nhân thực hiện việc chuyển đổi công nghệ nhằm giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, làm mát bền vững thân thiện với khí hậu, bảo vệ tầng ô-dôn; cung cấp dịch vụ thu gom, tái chế và xử lý các chất được kiểm soát được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy	Để triển khai thực hiện Cam kết làm mát toàn cầu mà Việt Nam đã tham gia, cần bổ sung các quy định khuyến khích các hoạt động liên quan đến làm mát bền vững. Đồng thời, để đẩy mạnh hoạt động tái chế các chất được kiểm soát cần có cơ chế khuyến khích triển khai thực hiện các hoạt động này. Do đó, cần bổ sung quy định về khuyến khích.

Nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP	Dự thảo nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung	Lý do
	định tại Điều 141 Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn có liên quan. 4. Tổ chức, cá nhân thực hiện các loại hình dự án có liên quan về làm mát bền vững được xác nhận để xem xét cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh theo quy định tại Điều 149, Điều 150 Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn có liên quan.	